

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cấp tỉnh/Cấp xã	Ghi chú
1	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
2	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
3	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
4	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
5	1.012062	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
6	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
7	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
8	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
9	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
10	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
11	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
12	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
13	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
14	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
15	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
16	1.011998	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
17	1.014022	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh	
18	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh	
19	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Cấp xã	

20	3.000438	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
21	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
22	3.000437	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
23	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Cấp xã	
24	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Cấp xã	
25	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Cấp xã	
26	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
27	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo	Cấp xã	
28	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi	Cấp xã	
29	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	Cấp xã	
30	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
31	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
32	1.012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
33	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
34	1.013825	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai	Cấp tỉnh	
35	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai	Cấp xã	
36	2.002750	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	Đất đai	Cấp tỉnh	

37	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai	Cấp xã	
38	1.013823	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	Cấp tỉnh	
39	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai	Cấp xã	
40	1.013828	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	Đất đai	Cấp tỉnh	
41	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	Đất đai	Cấp xã	
42	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai	Cấp xã	
43	1.013946	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai	Cấp tỉnh	
44	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Đất đai	Cấp xã	
45	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	Cấp xã	
46	1.013945	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Đất đai	Cấp tỉnh	

47	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	Đất đai	Cấp xã	
48	1.013947	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Đất đai	Cấp tỉnh	
49	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	Cấp tỉnh	
50	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai	Cấp xã	
51	1.013827	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa.	Đất đai	Cấp tỉnh	
52	1.013826	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Đất đai	Cấp tỉnh	
53	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Đất đai	Cấp xã	
54	2.002749	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp tại thành phố Đà Nẵng	Đất đai	Cấp tỉnh	
55	1.013992	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai	Cấp tỉnh	
56	1.013831	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai	Cấp tỉnh	
57	1.013977	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Đất đai	Cấp tỉnh	

58	1.013980	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Đất đai	Cấp tỉnh	
59	1.013833	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Đất đai	Cấp tỉnh	
60	1.013995	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	Đất đai	Cấp tỉnh	
61	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai	Cấp xã	
62	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Đất đai	Cấp tỉnh	
63	1.013993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Đất đai	Cấp tỉnh	
64	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
65	1.014270	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
66	1.014283	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	

67	1.014271	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
68	1.014293	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
69	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
70	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
71	1.014292	Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
72	1.014261	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
73	1.014285	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
74	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
75	1.014279	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
76	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
77	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
78	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
79	1.014286	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
80	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
81	1.014280	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
82	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
83	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	

84	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
85	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
86	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	Địa chất và khoáng sản	Cấp xã	
87	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
88	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
89	1.014288	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
90	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
91	1.014282	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
92	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
93	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
94	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
95	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	Địa chất và khoáng sản	Cấp xã	
96	1.014287	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
97	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
98	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
99	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
100	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.	Địa chất và khoáng sản	Cấp tỉnh	
101	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giám nghèo	Cấp xã	

102	1.013863	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn	Cấp tỉnh	
103	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn	Cấp tỉnh	
104	1.014026	Phê duyệt điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn	Cấp tỉnh	
105	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
106	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
107	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
108	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm	Cấp xã	
109	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
110	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm	Cấp xã	
111	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
112	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
113	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp	Cấp xã	
114	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Lâm nghiệp	Cấp xã	
115	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp	Cấp xã	
116	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
117	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	

118	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp	Cấp xã	
119	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
120	1.013644	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp tỉnh	
121	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
122	1.012504	2,001,064	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
123	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
124	1.013799	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
125	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
126	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
127	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
128	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
129	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Cấp tỉnh	
130	1.013811	Cấp, cấp lại, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	Thú y	Cấp tỉnh	
131	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y	Cấp xã	
132	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Cấp tỉnh	
133	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi	Cấp xã	
134	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	

135	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
136	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
137	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
138	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
139	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp tỉnh	
140	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp tỉnh	
141	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (cấp tỉnh) (1.010735)	Môi trường	Cấp tỉnh	
142	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
143	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
144	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
145	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
146	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	Thủy sản	Cấp tỉnh	
147	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	

148	1.005189	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
149	2.000444	Cấp lại giấy phép nhận chìm ( cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
150	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
151	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	
152	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Nông nghiệp	Cấp tỉnh	
153	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp	Cấp tỉnh	
154	1.008410	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp tỉnh	
155	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
156	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
157	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Thủy sản	Cấp tỉnh	
158	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản	Cấp tỉnh	
159	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
160	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
161	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
162	1.003695	Công nhận làng nghề	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp tỉnh	
163	1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp	Cấp tỉnh	
164	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Thú y	Cấp tỉnh	
165	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Thủy sản	Cấp tỉnh	
166	3.000215	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Hội đồng nhân dân các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An và Khánh Hoà theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
167	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	

168	1.000025	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	Quản lý doanh nghiệp	Cấp bộ, Cấp tỉnh, loại khác	
169	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Thú y	Cấp tỉnh	
170	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã	
171	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản	Cấp tỉnh	
172	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Cấp tỉnh	
173	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Cấp tỉnh	
174	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
175	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
176	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp tỉnh	
177	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp tỉnh	
178	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
179	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
180	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh	
181	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp xã	
182	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn	Cấp tỉnh	
183	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp tỉnh	

184	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
185	1.005399	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
186	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
187	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp xã	
188	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
189	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	Thủy lợi	Cấp xã	
190	1.004654	Công bố mở cảng cá loại I	Thủy sản	Cấp tỉnh	
191	1.004669	Tên thủ tục: Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thủy sản	Cấp tỉnh	
192	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	Thủy sản	Cấp tỉnh	
193	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh	
194	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
195	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cấp tỉnh	
196	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
197	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
198	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cấp xã	
199	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
200	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
201	1.009481	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
202	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	

203	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi	Cấp xã	
204	1.003741	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Thủy sản	Cấp tỉnh	
205	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai	Cấp tỉnh	
206	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
207	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	Cấp tỉnh	
208	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	Cấp xã	
209	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Đất đai	Cấp tỉnh	
210	1.003211	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
211	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã	
212	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp xã	
213	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
214	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	Thủy lợi	Cấp xã	
215	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản	Cấp xã	
216	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp	Cấp xã	
217	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
218	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
219	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	Thủy sản	Cấp xã	
220	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Thủy sản	Cấp tỉnh	
221	1.011516	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	

222	1.004678	Cấp, cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)	Thủy sản	Cấp tỉnh	
223	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
224	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
225	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
226	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
227	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
228	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
229	1.003703	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Thú y	Cấp tỉnh	
230	1.003203	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
231	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Thủy sản	Cấp tỉnh	
232	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
233	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	Cấp tỉnh	
234	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Cấp tỉnh	
235	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
236	1.004524	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	

237	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh	
238	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh	
239	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
240	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo	Cấp xã	
241	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Thủy sản	Cấp tỉnh	
242	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản	Cấp tỉnh	
243	2.001694	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	Cấp tỉnh	
244	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
245	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	Lâm nghiệp	Cấp xã	
246	3.000180	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
247	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y	Cấp tỉnh	
248	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Thủy sản	Cấp tỉnh	
249	1.004794	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản	Cấp tỉnh	
250	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh	
251	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
252	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	Thú y	Cấp tỉnh	

253	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
254	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
255	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp tỉnh	
256	1.004150	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh	
257	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
258	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	Cấp tỉnh	
259	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
260	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi	Cấp xã	
261	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Thủy sản	Cấp tỉnh	
262	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp tỉnh	
263	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp tỉnh	
264	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
265	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trồng trọt	Cấp tỉnh	
266	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp tỉnh	
267	1.004546	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
268	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp tỉnh	
269	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	

270	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	Thú y	Cấp tỉnh	
271	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành .	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
272	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Cấp tỉnh	
273	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản	Cấp tỉnh	
274	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thú y	Cấp tỉnh	
275	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
276	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp tỉnh	
277	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp tỉnh	
278	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
279	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thú y	Cấp tỉnh	
280	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
281	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
282	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Đất đai	Cấp tỉnh	
283	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
284	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
285	1.005401	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo	Cấp tỉnh	
286	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản	Cấp tỉnh	
287	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	

288	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Cấp tỉnh	
289	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
290	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
291	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp	Cấp xã	
292	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	Thủy sản	Cấp tỉnh	
293	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Thú y	Cấp tỉnh	
294	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng).	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
295	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thủy sản	Cấp tỉnh	
296	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
297	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010728)	Môi trường	Cấp tỉnh	
298	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
299	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Chăn nuôi	Cấp tỉnh	
300	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
301	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Thủy sản	Cấp tỉnh	
302	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
303	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	

304	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Đất đai	Cấp tỉnh	
305	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
306	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
307	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cấp tỉnh	
308	1.007916	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp	Cấp tỉnh	
309	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt	Cấp xã	
310	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Tài nguyên nước	Cấp xã	
311	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
312	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp tỉnh	
313	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vó	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp tỉnh	
314	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010729)	Môi trường	Cấp tỉnh	
315	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
316	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi	Cấp tỉnh	
317	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	Cấp tỉnh	
318	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010730)	Môi trường	Cấp tỉnh	
319	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	Môi trường	Cấp xã	
320	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
321	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	

322	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
323	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
324	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	Đất đai	Cấp tỉnh	
325	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
326	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Cấp tỉnh	
327	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước	Cấp tỉnh	
328	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Cấp tỉnh	
329	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp tỉnh	
330	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giám nghèo	Cấp xã	
331	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
332	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh) (1.010733)	Môi trường	Cấp tỉnh	
333	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Thủy sản	Cấp tỉnh	
334	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
335	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	Tổng hợp	Cấp tỉnh	
336	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản	Cấp tỉnh	
337	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
338	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Giám nghèo	Cấp xã	
339	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	Cấp tỉnh	

340	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	Thủy sản	Cấp tỉnh	
341	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Thủy sản	Cấp tỉnh	
342	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	Cấp tỉnh	
343	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
344	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cấp tỉnh	
345		Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Thú y	Cấp tỉnh	
346	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	Cấp tỉnh	
347	1.010727	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) ( 1.010727 )	Môi trường	Cấp tỉnh	
348	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giảm nghèo	Cấp xã	
349	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyên quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai	Cấp tỉnh	
350	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	Khoa học và Công nghệ	Cấp tỉnh	
351	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Cấp tỉnh	
352	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	Cấp tỉnh	
353	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	Kiểm lâm	Cấp tỉnh	
354	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai	Cấp xã	
355	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai	Cấp xã	
356	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y	Cấp tỉnh	

357	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai	Cấp xã	
358	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai	Cấp xã	
359	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	Cấp tỉnh	
360	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	Cấp tỉnh	
361	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Đất đai	Cấp tỉnh	
362	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	Đất đai	Cấp tỉnh	
363	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y	Cấp tỉnh	
364	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai	Cấp xã	
365	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Đất đai	Cấp tỉnh	
366	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Đất đai	Cấp tỉnh	
367	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai	Cấp tỉnh	